

Số: /GPMT-KTM

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 29/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở tại các khu kinh tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 207/QĐ-KTM ngày 21/9/2026 của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng về việc giao thực hiện nhiệm vụ cho ông Lê Quang Triều – Phó Trưởng ban;

Xét Văn bản số 0915-01/CV-HSQN và Văn bản số 0915-02/CV-HSQN ngày 15/9/2026 của Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất sợi BCF và thăm các loại tại Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng, xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam, địa chỉ tại Lô D6 Khu công nghiệp Tam Thăng, xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất sợi BCF

và thăm các loại tại Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng, xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất sợi BCF và thăm các loại.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng, xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp 4001157191 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 13/09/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24/9/2025. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7684003141 do Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng chứng nhận lần đầu ngày 28/7/2026.

1.4. Mã số thuế: 4001157191.

1.5 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm sợi BCF, thảm dùng cho ô tô và các loại thảm khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích: 110.997,48 m².

- Nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất dự án:

Giai đoạn	Công suất		
	Sợi BCF (tấn sản phẩm/năm)	Thảm dùng cho ô tô (m ² /năm)	Thảm khác (m ² /năm)
Giai đoạn 1	10.800	3.800.000	4.000.000
Giai đoạn 2	6.000	-	-
Tổng	16.800	3.800.000	4.000.000

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (hạt chip polymer (PET, nylon hoặc PP)) → Sấy → Đùn → Kéo sợi → Cuộn sợi → Kiểm tra → Đóng gói → *Sản phẩm sợi BCF*.

Se sợi hoặc chập sợi → Dệt → Tráng đế (Backing) hoặc Ép màng (Laminating) → Kiểm tra, cắt định hình sản phẩm → Đóng gói → *Sản phẩm thảm ô tô/Thảm khác*.

+ Quy trình sản xuất sợi BCF:

Nguyên liệu (hạt chip polymer (PET, nylon hoặc PP)) → Sấy → Đùn → Kéo sợi → Cuộn sợi → Kiểm tra → Đóng gói → *Sản phẩm sợi BCF*.

+ Quy trình Tráng đế (Backing):

Sợi BCF → Se sợi hoặc chập sợi → Dệt → Nhúng latex → Ghép màng → Sấy → Kiểm tra, cắt định hình sản phẩm → Đóng gói → *Sản phẩm thảm*.

+ Quy trình Ép màng (Laminating):

Sợi BCF → Se sợi hoặc chập sợi → Dệt → Nhúng latex → Sấy → Đùn PE/EVA → Ép màng → Kiểm tra, cắt định hình sản phẩm → Đóng gói → Sản phẩm phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Dự án không thuộc trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác

dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2036).

Điều 4. Giấy phép môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/c);
- Trường ban (b/c);
- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố Đà Nẵng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Thăng Trường;
- Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai;
- Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của BQL;
- Lưu: VT, website, TNMT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lê Quang Triều

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KTM ngày ... tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh của dự án sau khi xử lý (đạt QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A)) được chuyển giao cho Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo, không xả thải ra môi trường.

- Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam đã có thỏa thuận chuyển giao nước thải sau xử lý cho Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo tại Biên bản thỏa thuận tiếp nhận nước thải ký ngày 08/9/2026.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh của khối văn phòng điều hành và các khu nhà xưởng sản xuất được thu gom về 04 bể tự hoại (03 ngăn, dung tích 7 m³/bể) để xử lý sơ bộ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại cùng với nước thải từ các bồn rửa tay, thoát sàn được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn về Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m³/ngày.đêm của dự án.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình vệ sinh bể latex, nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải, nước thải vệ sinh nguyên liệu, sản phẩm... theo các tuyến thu gom nước thải sản xuất dẫn về hố gom trước khi bơm về Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m³/ngày.đêm của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (sinh hoạt + sản xuất) → Bể điều hòa → Bể keo tụ bằng PAC → Bể trung hòa bằng NaOH → Bể tạo bông bằng polymer → Bể lắng 1 → Bể chứa nước sau xử lý hóa học → Cụm bể xử lý sinh học (Aerotan) → Bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Tháp lọc thô → Tháp lọc than hoạt tính → Bể chứa nước sau xử lý (đạt cột A - QCVN 40:2025/BTNMT) → Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, polymer.

- Bùn thải (từ bể lắng 1 và bể lắng 2) được gom về bể chứa bùn sau đó bơm qua máy ép bùn để xử lý ép ráo bùn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) được chuyển giao về Nhà máy Tái sử dụng nước thải của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo để sử dụng trực tiếp làm nước đầu vào cho hoạt động sản xuất thành sản phẩm nước cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất của các dự án trong Khu công nghiệp Tam Thăng và Khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-Cp ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án hoặc hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy tái sử dụng nước thải của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo gặp sự cố, không thể tiếp nhận nước thải của dự án: Khóa van đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, tận dụng hết khả năng lưu giữ của các bể để lưu chứa nước thải chờ khắc phục sự cố. Trong trường hợp lưu lượng nước thải vượt sức chứa của các bể thì Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam chủ động ngừng hoạt động sản xuất để khắc phục sự cố.

Trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy tái sử dụng nước thải của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo ngừng hoạt động, không thể tiếp nhận nước thải từ các nhà máy thành viên: Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam thực hiện ký kết hợp đồng đầu nối nước thải với Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp (của Công ty TNHH MTV Panko Tam Thăng và Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Chu Lai), đảm bảo không xả nước thải ra môi trường.

- Tuân thủ việc bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các thiết bị theo khuyến cáo của nhà cung cấp.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu.

- Định kỳ tổ chức lấy mẫu, đo đặc chất lượng nước thải sau xử lý để kiểm soát quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Có thiết bị đo nhanh các chỉ tiêu vật lý để theo dõi tình trạng hoạt động của các bể xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, điều kiện chuyển giao nước thải cho Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đường ống chuyển giao nước thải cho Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo phải tuân thủ các quy định kỹ thuật, không rò rỉ ra môi trường xung quanh, phải có van, đồng hồ đo lưu lượng.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn tách riêng, độc lập với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Nước làm mát trong quá trình sản xuất phải tránh tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong các công đoạn sản xuất, tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

3.6. Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật liên quan đến công tác xử lý và chuyển giao nước thải sau xử lý cho Nhà máy tái sử dụng nước của Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ tái tạo, không xả thải ra môi trường. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động chuyển giao nước thải khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3.7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Thăng Trường, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Thăng Trường, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và các cơ quan có liên quan nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến môi trường do nước thải của dự án gây ra.

3.8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-KTM ngày ... tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất và khí đốt phát sinh từ quá trình làm sạch đầu phun tại phòng bảo trì.
- Nguồn số 02: Hơi dầu phát sinh tại xưởng kéo sợi.
- Nguồn số 03: Hơi hóa chất từ quá trình sấy của công đoạn Tráng đế (Backing).
- Nguồn số 04: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sấy của công đoạn Ép màng (Laminating).
- Nguồn số 05: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình ép màng của công đoạn Ép màng (Laminating).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Dự án có 04 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả thải, lưu lượng xả thải lớn nhất

Dòng khí thải	Ống thải tương ứng	Vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 107 ⁰ 45, múi chiều 3 ⁰)	Lưu lượng xả thải lớn nhất (m ³ /h)	Các chất ô nhiễm
01	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải số 1	X= 1729494; Y= 576945	8.400	CO, NO _x , SO ₂
02	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải số 2	X= 1729489; Y= 576938	21.000	TVOC
03	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải số 3	X= 1729578; Y = 576801	39.000	Formandehyt, Amoniac, Styren, 1,3-Butadien
04	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải số 4	X= 1729571; Y = 576806	36.000	Formaldehyt, Amoniac, Styren, 1,3-Butadien

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên dự án Nhà máy sản xuất sợi BCF và thảm các loại của Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam tại Khu Công nghiệp Tam Thăng mở rộng, xã Thăng Trường, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý đảm bảo yêu cầu được xả ra môi trường qua các ống thải; xả liên tục 24 giờ/ngày khi hoạt động sản xuất, thời gian xả liên tục trong năm.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm có trong khí thải tại dự án	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/ BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
I	Dòng khí thải số 01				
1	CO	mg/Nm ³	≤ 400	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	NO _x (NO _x , tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400		
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
II	Dòng khí thải số 02				
1	TVOC	mg/Nm ³	≤ 120	01 năm/lần (*)	Không thuộc đối tượng
III	Dòng khí thải số 03, 04				
1	Formaldehyt	mg/Nm ³	≤ 15	01 năm/lần (*)	Không thuộc đối tượng
2	Styren	mg/Nm ³	≤ 100		
3	1,3-Butadien	mg/Nm ³	≤ 20		
4	Amoniac	mg/Nm ³	≤ 20	06 tháng/lần	

Ghi chú: Trong 02 năm đầu kể từ khi đi vào vận hành hành chính thức, Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam chủ động tăng tần suất giám sát định kỳ đối với các thông số hợp chất hữu cơ (gồm: TVOC, Formandehyt, Styren, Butadien) lên 06 tháng/lần.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Hơi hóa chất và khí đốt phát sinh từ quá trình làm sạch đầu phun (Nguồn số 01) được thu gom bằng các chụp hút dẫn về Hệ thống xử lý khí thải số 1 để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 1.

- Hơi dầu phát sinh từ công đoạn kéo sợi (Nguồn số 02) được thu gom bằng các chụp hút dẫn về Hệ thống xử lý khí thải số 2 để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 2.

- Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sấy của công đoạn Backing (Nguồn số 03) được thu gom bằng các chụp hút dẫn về Hệ thống xử lý khí thải số 3 để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 3.

- Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sấy của công đoạn Laminating (Nguồn số 04) được thu gom bằng các chụp hút dẫn về Hệ thống xử lý khí thải số 4 để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 4.

- Hơi hóa chất và hơi nóng phát sinh từ quá trình ép màng của công đoạn Laminating (Nguồn số 05) được thu gom bằng các chụp hút và theo đường ống dẫn về Hệ thống xử lý khí thải số 4 để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 4.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

04 hệ thống xử lý khí thải:

a) Hệ thống xử lý khí thải số 1 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất và khí đốt phát sinh từ thiết bị làm sạch đầu phun → Chụp hút ($D=0,5m$) → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước ($D \times H=0,8 \times 1,5m$) → Hộp lọc than hoạt tính → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải số 1 ($D \times H=0,2 \times 1,3m$, cao độ xả thải cách mặt đất 19 m).

Nước thải từ tháp hấp thụ được tuần hoàn tái sử dụng, xả định kỳ (3-4 ngày/lần xả) dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý.

- Công suất thiết kế: $8.400 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

b) Hệ thống xử lý khí thải số 2 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dầu từ công đoạn kéo sợi → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước ($D \times H=2,0 \times 3,5m$) → Hộp lọc than hoạt tính → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải số 2 ($D \times H=0,5 \times 3m$, cao độ xả thải cách mặt đất 19 m).

Nước thải từ tháp hấp thụ được tuần hoàn tái sử dụng, xả định kỳ (3-4 ngày/lần xả) dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý.

- Công suất thiết kế: $21.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

c) Hệ thống xử lý khí thải số 3 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất từ quá trình sấy của công đoạn Tráng đế (Backing) → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước ($W \times L \times H=4,5 \times 2,5 \times 2,2m$) → Hộp lọc than hoạt tính → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải số 3 ($D \times H=1,0 \times 3,325m$, cao độ xả thải cách mặt đất 14,9 m).

Nước thải từ tháp hấp thụ được tuần hoàn tái sử dụng, xả định kỳ (3-4 ngày/lần xả) dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý.

- Công suất thiết kế: $39.000 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

d) Hệ thống xử lý khí thải số 4 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 04 và Nguồn số 05)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất từ quá trình sấy và ép màng của công đoạn Ép màng (Laminating) → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng nước (DxH=3,4x5,7m) → Hộp lọc than hoạt tính → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải số 4 (DxH=1,15x4,2m, cao độ xả thải cách mặt đất 15,8 m).

Nước thải từ tháp hấp thụ được tuần hoàn tái sử dụng, xả định kỳ (3-4 ngày/lần xả) dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án để xử lý.

- Công suất thiết kế: 36.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý khí thải.

- Trang bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận dễ hư hỏng (như: bơm, quạt hút, màng lọc bụi).

- Đào tạo nhân viên vận hành nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục sự cố đơn giản.

- Trường hợp xảy ra sự cố lớn, không vận hành được hệ thống xử lý khí thải, Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố để khắc phục nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất; nhanh chóng khắc phục sự cố để hoạt động sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (bao gồm thời gian quan trắc chất thải, lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm): Từ ngày 01/07/2027 đến ngày 29/12/2027. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (nêu rõ lý do thay đổi, gia hạn và thời gian thay đổi, gia hạn).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

04 hệ thống xử lý khí thải của dự án gồm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 01).
- Hệ thống xử lý khí thải số 2 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 02).
- Hệ thống xử lý khí thải số 3 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 03).
- Hệ thống xử lý khí thải số 4 (xử lý khí thải phát sinh từ Nguồn số 04, 05).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại 04 ống thải của 04 hệ thống xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải, thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, việc quan trắc khí thải do Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra/01 hệ thống xử lý khí thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu theo quy định và ngừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu sử dụng để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định. Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng yêu cầu kỹ thuật, có phương án xác định mức độ bảo hoà của lượng than hoạt tính để thay thế đảm bảo hiệu quả xử lý theo đúng thiết kế.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.4. kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định.

3.5. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả khí thải ra môi trường khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3.6. Kiểm soát các nguồn khí thải khác để đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

3.7. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của dự án gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả khí thải trái phép gây ra.

3.8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Thăng Trường, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Thăng Trường, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai và các cơ quan có liên quan nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường do việc xả khí thải gây ra.

3.9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-KTM ngày ... tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn kéo sợi BCF.

Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ công đoạn dệt Tufting.

Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ công đoạn Backing và Laminating.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn

Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Khu vực bị ảnh hưởng
Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
70	65	60	Khu vực E

2.2. Độ rung

Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Khu vực bị ảnh hưởng
Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
75	70	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng, bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đệm cao su, lò xo chống rung để hạn chế rung động. Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị, máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết, nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi có dấu hiệu xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KTM ngày ... tháng 9 năm 2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Vị trí phát sinh
1	Các thiết bị điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	16 01 13	20	Thay thế đèn thấp sáng
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	300	Bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	12 01 04	10.692	Thay thế vật liệu lọc cho hệ thống xử lý khí thải
Tổng cộng			-	11.012	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Vị trí phát sinh
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	6.000	Bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị
2	Hóa chất keo và latex thải	Lỏng	08 03 01	12.000	Hóa chất thải bỏ
3	Hóa chất phòng thí nghiệm thải	Lỏng	19 05 02	518	Hóa chất thải bỏ
4	Giẻ lau dính sơn, hóa chất (sợi vụn phế)	Rắn	18 02 01	182.670	Quá trình sản xuất, bảo dưỡng thiết bị
5	Bao bì mềm dính hóa chất	Rắn	18 01 01	3.542	Quá trình sản xuất
7	Thùng phuy sắt 200L		18 01 02	32.256	Quá trình sản xuất
8	Thùng phuy nhựa 200L		18 01 03	6.024	Quá trình sản xuất
9	Thùng phuy nhựa (bồn 1000L)		18 01 03	16.934	Quá trình sản xuất
11	Xi hàn thải	Rắn	07 04 02	40	Bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị
12	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	15	
13	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	Rắn	11 06 01	19	

14	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02	314	Quá trình sản xuất
15	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	18 01 03	484	Quá trình sản xuất
16	Bao bì cứng bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 04	967	Quá trình sản xuất
17	Bùn thải có thành phần nguy hại	Rắn	12 06 05	157.684	Hệ thống xử lý nước thải cục bộ của dự án
Tổng cộng			-	419.467	-

Ghi chú: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại dự án được Chủ dự án xem là chất thải nguy hại và quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhựa Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	03 02 12 18 01 06	174
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	388
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	52
4	Bao bì gỗ thải	18 01 07	438
Tổng cộng			1.052

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 390 kg/ngày $\approx$ 11.700 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu giữ: 01 kho.

- Diện tích kho: 60 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu tường xây gạch và tôn, trụ thép, mái lợp tôn, có gờ chắn đảm bảo không để nước mưa chảy vào, cửa kính bằng tôn; bố trí mương B100 và hố ga thu gom chất thải dạng nước rò rỉ và bố trí gờ chắn trước cửa 100mm để đảm bảo lưu chứa an toàn; bố trí thiết bị PCCC; dán logo cảnh báo và các biển cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2 Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Kho lưu chứa giữ: 01 kho.

- Diện tích: 100 m² gồm 04 ngăn, để lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu tường gạch, trụ thép, mái lợp tôn, có gờ chắn đảm bảo không để nước mưa tràn vào, cửa song sắt.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Bao bì, thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-KTM ngày ... tháng 9 năm 2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH HS Hyosung Quảng Nam hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thăng Trường, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo đúng quy định; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Tăng cường trồng cây xanh xung quanh khuôn viên dự án để tạo cảnh quan, làm vùng đệm cách ly về môi trường nhằm hạn chế các tác động của dự án đến môi trường xung quanh.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về khoảng cách an toàn, an toàn lao động, an toàn hoá chất, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; tuân thủ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.